

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09-10-2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Kim và ông Đỗ Văn Ngôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn P, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn P kết hôn vào ngày 15/11/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang và tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương. Trước khi kết hôn anh, chị có thời gian tìm hiểu, sau khi kết hôn chị về nhà anh Vũ Văn P ở thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Cuộc sống ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi chung sống được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh P chơi bời và không quan tâm, lo lắng gì cho gia đình, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Do vậy vợ chồng đã ly thân

từ tháng 05/2022 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Vũ Văn P.**

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Vũ Ngọc Gia H**, sinh ngày 23/6/2017. Hiện con đang ở với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Phía anh **Vũ Văn P** đã được tòa án triệu tập đến trụ sở tòa án làm việc cũng như cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh **P** nhưng anh **P** không có mặt tại nơi cư trú nên tòa án không thể tiến hành ghi lời khai của anh **P** được.

Tại phiên Tòa chị **Nguyễn Thị Thu g** nguyên quan điểm đã trình bày ở trên. Anh **Vũ Văn P** vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70 và điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quy định tại các điều 70 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 150, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị T.**

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn anh **Vũ Văn P.**

Về con chung: Giao cháu **Vũ Ngọc Gia H** cho chị **Nguyễn Thị T** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ và ruộng đất: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân

dân huyện Việt Yên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tiến hành thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành gửi, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh **Vũ Văn P**, yêu cầu anh **Vũ Văn P** đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh **Vũ Văn P** không đến. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình anh **P** làm việc, nhưng bố, mẹ anh **P** không còn cư trú tại địa phương. Chính quyền địa phương xác nhận: Anh **Vũ Văn P** hiện nay vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại **thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang**. Anh **Vũ Văn P** đang đi làm, thi thoảng thấy xuất hiện tại địa phương sau đó lại đi luôn, còn cụ thể anh **P** làm gì, ở đâu địa phương không biết, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh **P** tại nơi cư trú. Chị **T** đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của anh **P** cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 BLTTDS năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Đây thuộc trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, của người bị kiện thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Do vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử khi chưa tiến hành lấy lời khai cũng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự là có căn cứ. Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với anh **P**. Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng anh **P** vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời niêm yết quyết định hoãn phiên tòa đối với anh **P**. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[3] Do việc anh **P** không đến tòa làm việc nên không ghi được lời khai của anh **P**, tuy nhiên qua điều tra xác minh chính quyền địa phương thì thấy:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Vũ Văn P** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã M, huyện V** vào tháng 11/2016 đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **P** là hôn nhân hợp pháp.

[5] Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt cuộc sống thường ngày, mâu thuẫn xảy ra gay gắt, vợ chồng cùng hai bên gia đình đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng chấm dứt quan hệ

từ tháng 05/2022 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau nữa. Xét xử thấy: Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2022, kể từ khi ly thân cho đến nay hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Vũ Ngọc Gia H, sinh ngày 23/6/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị T. Hội đồng xét xử thấy thực tế chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa anh P thường xuyên không có mặt tại địa phương, do vậy cần giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của chị T và phù hợp với thực tế.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung, vay nợ và ruộng đất: Chị T xác định không có gì vướng mắc nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn P.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc Gia H, sinh ngày 23/6/2017.

- Cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản, vay nợ, ruộng, đất: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, (Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007022 ngày 19/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn N – Nguyễn Quang Kim V

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
 - VKSND tỉnh Bắc Giang;
 - TAND huyện Việt Yên;
 - VKSND huyện Việt Yên;
 - Chi cục THADS huyện Việt Yên;
 - UBND xã Minh Đức;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn N – Nguyễn Quang Kim V

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị L – Nguyễn Quang Kim Vũ Tân T1